

Bản án số: 84/2024/HS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên - Nguyên là giáo viên (nghỉ hưu) và bà Vũ Thị Thủy - Phó trưởng Phòng Giáo dục huyện Cẩm Giàng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh và bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-HS ngày 12/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HS ngày 15/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Dương Công T, sinh năm 2004, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; HKTT: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T1, sinh 1968 và bà Vũ Thị H, sinh 1968; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con. Gia đình thuộc hộ cận nghèo; Tiền án: Bản án số 14 ngày 27/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/2/2024); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/12/2019, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 28/6/2020, Công an xã B, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 30/6/2020, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 01/9/2020, Công an xã T, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 02/10/2020, Công an xã B, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 05/10/2020 Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (hình thức cảnh cáo); Ngày 04/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường G (Bị can chấp hành xong ngày

19/4/2022);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thế T2, sinh năm 2003, tại phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đình V, sinh 1963 và bà Lương Thị H1, sinh 1977; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ, con. Tiền án: Bản án số 10 ngày 02/3/2023, Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/10/2023); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/8/2020, Công an thị xã M, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau (phạt tiền); Ngày 03/9/2022, Công an thị xã M, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích (phạt tiền);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quang T3, sinh ngày 06/3/2007, tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; HKTT: thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T4, sinh 1986 và bà Nguyễn Thị V1, sinh 1986; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Quốc T5, sinh năm 2002, tại xã M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Tổ dân phố T, xã M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Duy T6, sinh 1981 và bà Bùi Thị L, sinh 1983; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Quang T3: Bà Nguyễn Thị V1, sinh 1986, địa chỉ: thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* Người bào chữa cho các bị cáo Dương Công T, Lê Quang T3: Bà Nguyễn Thị L1 - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* Bị hại: Cháu Đoàn Tuấn Đ, sinh năm 2007. Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của bị hại: Ông Đoàn Văn P, sinh 1971, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Xuân P1, sinh năm 2003, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Vũ Văn H2, sinh 1998, địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

* Người làm chứng: Anh Phạm Duy K, sinh 2008; anh Lê Xuân P2, sinh 2007 và chị Nguyễn Thị H3, sinh 1982. Đều vắng mặt.

* Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản H4: Ông Nguyễn Thanh T7 - Bí thư Đoàn thanh niên thị trấn L, huyện C Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 và Vũ Quốc T5 có mối quan hệ bạn bè xã hội và cùng trọ tại dãy nhà trọ ở thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, tối ngày 05/6/2024, T, T2 và T3 thống nhất mang theo kiểm kim loại (có sẵn tại phòng trọ của T) đi xe mô tô đến địa bàn tỉnh Hải Dương dùng kiếm đe dọa người đi đường chiếm đoạt tài sản. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter (không đeo BKS) của T2 chở T ngồi giữa cầm kiếm, T3 ngồi sau đi từ phòng trọ theo Quốc lộ E đến địa bàn tỉnh Hải Dương (cả ba đều đeo khẩu trang). Khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, T2, T3, T dừng xe tại khu vực nhà chờ xe bus trên Quốc lộ E chiều đường H - Hà Nội (gần vòng xuyến N, thành phố H) thì nhìn thấy anh Đoàn Tuấn Đ, sinh ngày 06/8/2007 ở thôn Đ, xã C, huyện T điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS 36B7-613.03 chở anh Phạm Duy K, sinh ngày 09/8/2008 ở thôn T, xã C theo hướng Hải Phòng - Hà Nội. Thấy vậy, T, T2, T3 thống nhất chiếm đoạt xe của anh Đ. T điều khiển xe chở T2 và T3 đuổi theo xe của anh Đ. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, anh Đ đi đến khu vực cổng công ty TNHH Q thuộc thôn H, thị trấn L, huyện C, T điều khiển xe vượt bên trái, chặn đầu ép xe của anh Đ, Tiến đập vào phía sau xe của anh Đ yêu cầu anh Đ dừng xe. T2 xuống xe rút kiếm chỉ về phía anh Đ, anh K yêu cầu xuống xe, anh Đ và anh K sợ hãi xuống xe, đứng lùi về phía sau. T lấy kiếm T2 đang cầm, chỉ về phía anh Đ, anh K đe dọa, yêu cầu đưa chìa khóa xe. Do sợ bị đánh, anh Đ đã đưa chìa khóa xe cho T, T đưa kiếm cho T3 rồi điều khiển xe mô tô BKS 36B7-613.03, T2 điều khiển xe Exciter chở T3 về phòng trọ. Trên đường về đến khu vực cầu vượt Q, huyện B, T2 lấy 01 cờ lê để trong cốp xe mô tô Yamaha Exciter tháo BKS 36B7-613.03 đưa cho T3 vứt đi.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi về phòng trọ, T2 cất xe Vision vào phòng trọ của T3. T, T2, T3 nói với Vũ Quốc T5 (ở cùng dãy trọ) về việc vừa

cướp được xe mô tô Vision và nhờ T5 bán xe hộ. T5 đồng ý sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0908908913 gọi cho anh Phạm Xuân P1, sinh năm 2003 ở thôn N, xã T, huyện B (là bạn của T5, T2) hỏi anh P1 có mua xe mô tô không đồng thời chụp ảnh xe gửi cho anh P1. Anh P1 không biết xe do phạm tội mà có đã đồng ý mua với giá 7000.000 đồng, T5, T, T2, T3 đều đồng ý bán. Sau khi thỏa thuận xong, anh P1 đăng hình ảnh chiếc xe Vision lên nhóm mua bán xe KGT Hải Dương tìm người mua để hưởng tiền chênh lệch thì anh Vũ Văn H2, sinh năm 1998 ở thôn G, xã T, huyện T nhắn tin cho anh P1 hỏi mua xe với giá 8.600.000 đồng, anh P1 đồng ý bán.

Khoảng 13 giờ ngày 06/6/2024, T điều khiển xe mô tô Exciter của T2, T5 điều khiển xe mô tô Vision đến ngã ba P, xã T, huyện B gặp anh P1 giao dịch mua bán xe. Anh P1 bảo T5 và T mang xe đến thôn G, xã T, huyện T để anh P1 bán xe cho anh H2. Anh P1 bán xe cho anh H2 được 8.600.000 đồng, anh P1 giữ lại 1.000.000 đồng, đưa cho T5 7.600.000 đồng, T5 giữ lại 2.600.000 đồng, đưa cho T 5.000.000 đồng. T cầm 5.000.000 đồng về phòng trọ đưa cho T2 cầm chi tiêu sinh hoạt chung cho T, T2, T3. Số tiền bán xe các bị can đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 06/6/2024, anh Đ có đơn trình báo, vụ án được điều tra làm rõ.

Ngày 06/6/2024, Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường quản lý 01 đoạn video thu tại mắt camera của công ty Q ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của các bị can.

Ngày 06/6/2024, anh Vũ Văn H2 giao nộp xe mô tô Vision; Dương Công T giao nộp thanh kiếm dài 65cm, cán bằng gỗ, vỏ ốp bằng gỗ sơn màu đỏ, 01 áo dài tay; Vũ Quốc T5 giao nộp điện thoại di động Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0908908913; Phạm Thế T2 giao nộp xe mô tô Yamaha Exciter; Lê Quang T3 giao nộp 01 áo dài tay.

Ngày 07/6/2024, Cơ quan điều tra đã đưa Lê Quang T3 đến khu vực cầu vượt Q, huyện B rà soát, quản lý BKS 36B7-613.03.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG-TTHS, ngày 25/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện C, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 36B7-613.03 trị giá 15.500.000đ.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 09/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và Vũ Quốc T5 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo

Dương Công T và Phạm Thế T2.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang T3.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Quốc T5.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 phạm tội “Cướp tài sản”; Tuyên bố bị cáo Vũ Quốc T5 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Dương Công T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thế T2 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

+ Xử phạt bị cáo Lê Quang T3 từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Quốc T5 từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo và người liên quan là anh Phạm Xuân P1 phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Văn H2 số tiền 8.600.000đ, trong đó anh P1 bồi thường số tiền 1.000.000đ, bị cáo T5 bồi thường số tiền 2.600.000đ, các bị cáo T, T2, T3 bồi thường số tiền 5.000.000đ (mỗi bị cáo bồi thường 1.667.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 65cm, cán bằng gỗ, vỏ ốp bằng gỗ sơn màu đỏ, 01 sim điện thoại 0908908913 và 02 áo dài tay; Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước trị giá 01 điện thoại đi động Iphone 7 màu đen và 01 xe mô tô Yamaha Exciter.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Thế T2, Lê Quang T3, Vũ Quốc T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Xuân P1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Dương Công T.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung nêu trên, nhất trí với nội dung cáo trạng cũng như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo Dương Công T, Lê Quang T3 xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo T thuộc hộ cận nghèo, có trình độ học vấn thấp; bị cáo T3 có nhân thân tốt và là người chưa thành niên phạm tội... đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù, bị cáo T3 từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tù. Miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, vi deo thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 05/6/2024, tại Quốc lộ E trước cổng Công ty TNHH Q thuộc thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương, Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 có hành vi sử dụng kiếm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chiếm đoạt xe mô tô Honda Vision BKS 36B7-613.03 trị giá 15.500.000 đồng của anh Đoàn Tuấn Đ, sinh năm 2007 ở thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T, T2, T3 đã nói với Vũ Quốc T5 về việc cướp được xe mô tô và nhờ T5 bán hộ. T5 biết là tài sản do phạm tội mà có nhưng đã đồng ý, ngày 06/6/2024 T5 bán chiếc xe mô tô cho anh Phạm Xuân P1 được số tiền 7.600.000 đồng. Số tiền này T, T2, T3, T5 đã chi tiêu hết.

[3]. Hành vi của các bị cáo Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công

dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng vũ lực, đe dọa ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Các bị cáo sử dụng thanh kiếm để đe dọa là dùng vũ khí nguy hiểm nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Vũ Quốc T5 biết rõ chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 36B7-613.03 là tài sản do các bị cáo T, T2, T3 phạm tội mà có, nhưng vì mục đích tư lợi đã bán cho anh Phạm Xuân P1 với số tiền 7.600.000 đồng để cùng chi tiêu nên hành vi của bị cáo T5 đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án Cướp tài sản thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, đều là người thực hành tích cực. T và T2 đều là người chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội và trực tiếp cầm kiếm chỉ về phía bị hại để đe dọa nên có vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ nhất; T3 có hành vi đập vào phía sau xe của bị hại và yêu cầu dừng xe nên có vai trò sau T và T2.

[5]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Các bị cáo T3, T5 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các bị cáo T, T2 là người có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính và bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 04 bị cáo đều thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T5 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về quyết định hình phạt: Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, thái độ khai báo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi rất nguy hiểm thể hiện thái độ coi thường pháp luật, lợi dụng trời đêm tối, vắng người qua lại để thực hiện hành vi phạm tội, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mới có tác dụng trừng trị, răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo Lê Quang T3 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại các Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự khi

quyết định hình phạt.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T thuộc hộ cận nghèo, bị cáo T3 là người chưa thành niên phạm tội và các bị cáo T2, T5 không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô Vision BKS 36B7-613.03 đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Anh Vũ Văn H2 yêu cầu các bị cáo và anh P1 phải bồi thường số tiền mua xe là 8.600.000đ. Xét yêu cầu của anh H2 là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ. Cần buộc các bị cáo và anh Phạm Xuân P1 phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Văn H2 số tiền 8.600.000đ, trong đó anh P1 bồi thường số tiền 1.000.000đ, bị cáo T5 bồi thường số tiền 2.600.000đ, các bị cáo T, T2, T3 bồi thường số tiền 5.000.000đ (chia kỷ phần mỗi bị cáo bồi thường 1.667.000đ) theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 thanh kiếm dài 65cm, cán bằng gỗ, vỏ ốp bằng gỗ sơn màu đỏ thu giữ của bị cáo T. Đây là vũ khí thô sơ, vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 áo dài tay thu giữ của bị cáo T và 01 áo dài tay thu giữ của bị cáo T3. Các bị cáo không đề nghị nhận lại, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy;

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 7 màu đen, lắp sim số 0908908913 thu giữ của bị cáo T5 và chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, có số khung RLCUG0610GY186128, số máy G3D4E199029. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng khi phạm tội nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá chiếc điện thoại và chiếc xe mô tô nêu trên theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Thế T2, Lê Quang T3, Vũ Quốc T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Đối với bị cáo Dương Công T thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo T3, bị hại và người đại diện bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11]. Về hành vi khác:

Đối với hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ (thanh kiếm) của Dương Công T, ngày 29/7/2024 Chủ tịch UBND huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2544/QĐ-UBND là phù hợp.

Đối với anh Phạm Xuân P1 mua xe của Vũ Quốc T5; anh Vũ Văn H2 mua xe của anh P1 nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Công T và Phạm Thế T2.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang T3.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Quốc T5.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Công T, Phạm Thế T2, Lê Quang T3 phạm tội “Cướp tài sản”; Tuyên bố bị cáo Vũ Quốc T5 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Dương Công T **08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thế T2 **08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang T3 **05** (năm) năm **07** (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Vũ Quốc T5 **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo và người liên quan là anh Phạm Xuân P1 phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Văn H2 số tiền 8.600.000đ, trong đó anh Phạm Xuân P1 bồi thường số tiền 1.000.000đ, bị cáo T5 bồi thường số tiền 2.600.000đ, các bị cáo T, T2, T3 bồi

thường số tiền 5.000.000đ (chia kỹ phần mỗi bị cáo bồi thường 1.667.000đ).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kiếm dài 65cm, cán bằng gỗ, vỏ ốp bằng gỗ sơn màu đỏ và 02 áo dài tay (loại áo chống nắng);

Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước trị giá 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, bên trong lắp sim số 0908908913 và 01 xe mô tô Yamaha Exciter có số khung RLCUG0610GY186128, số máy G3D4E199029.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng trên theo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 23/8/2024).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Thế T2, Lê Quang T3, Vũ Quốc T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc anh Phạm Xuân P1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Dương Công T.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo T3 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; những người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan HSNV Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ Q&LIHP của bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**Bùi Ngọc Khuyến**